TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS - ST.
Ngày: 23 - 5 - 2023.
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Phương Đông.

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST - DS, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị T (Lâm Thị Cẩm C), sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 09/12/2007 âm lịch bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi mở một dây hụi giá 500.000 đồng, gồm có 20 phần hụi, 01 tháng mở hụi 01 lần vào ngày 09, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà L được hưởng hoa hồng là 100.000 đồng, bà Lâm Thị T tham gia 01 phần hụi đến ngày 09/02/2009 âm lịch bà T hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đã đóng được 16 lần còn 04 lần hụi chết không đóng. Tổng số tiền 04 lần hụi chết là 2.000.000 đồng. Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị T hoàn trả số tiền nợ hụi là 2.000.000 đồng.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị T trình bày:* Vào ngày 09/12/2007 âm lịch bà Lâm Thị T có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi, dây hụi giá 500.000 đồng, gồm có 20 phần hụi, 01 tháng mở hụi 01 lần vào ngày 09, hụi có lãi. Đến ngày 09/02/2009 âm lịch bà T hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đã đóng được 19 lần chỉ còn thiếu 01 lần hụi chết chưa đóng.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn là bà Lâm Thị Trinh. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Lâm Thị T hiện cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn Lâm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Lâm Thị T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị T hoàn trả số tiền hụi là 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng vào ngày 09/12/2007 âm lịch (nhằm ngày 16/01/2008 dương lịch) bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi mở một dây hụi giá 500.000 đồng, gồm có 20 phần hụi, 01 tháng mở hụi 01 lần vào ngày 09, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà L được hưởng hoa hồng là 100.000 đồng, bà Lâm Thị T tham gia 01 phần hụi đến ngày 09/02/2009 âm lịch bà T hốt, sau khi hốt hụi bà T đã đóng được 16 lần còn 04 lần hụi chết chưa đóng với số tiền

2.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Lâm Thị T hoàn trả số tiền nợ hụi là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cung cấp cụ thể: Tại bút lục 16 thể hiện *"Hụi tháng 500.000đ khui ngày 09 -12-2007 âl, khui mỗi tháng vào ngày 09, khui lúc 12 giờ trưa"* có danh sách những người tham gia góp hụi do bà L viết tay không có chữ ký của bà L cũng như chữ ký của những người tham gia góp hụi nên không thể hiện việc bà T còn thiếu bà L 04 lần hụi chết với số tiền 2.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 03/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã ban hành thông báo số: 18/2023/GTB yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà T còn nợ bà L 04 lần hụi chết với số tiền 2.000.000 đồng nhưng đến nay bà L vẫn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của bà. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."*. Vì thế, căn cứ vào chứng cứ mà bà L cung cấp không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lâm Thị T hoàn trả số tiền nợ hụi là 2.000.000 đồng.

Mặt khác, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/12/2022 (bút lục 29) thể hiện: *"Bà Lâm Thị T thừa nhận còn nợ bà L 01 lần hụi chết với số tiền 500.000 đồng"*. Ngoài ra, theo biên bản lấy lời khai của bà Lâm Thị T tại Công an huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng ngày 11/5/2011 (bút lục 34) bà T có trình bày *" Dây thứ I: loại hụi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) khui ngày 09/12/2007 âm lịch hụi do bà L làm chủ (đầu thảo) dây hụi này tôi đã hốt và còn thiếu chị L một lần hụi chết với số tiền 500.000 đồng, lý do tôi chưa đóng vì chị L bể hụi "*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định bà Lâm Thị T còn nợ bà Nguyễn Thị L số tiền chưa đóng 01 lần hụi chết là 500.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu phường thì yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc bị đơn bà Lâm Thị T hoàn trả số tiền hụi còn nợ là 2.000.000 đồng là không có cơ sở mà chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc bị đơn bà Lâm Thị T hoàn trả số tiền hụi còn nợ là 500.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà L và bà T thì tại thời điểm hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 122, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7; Điều 8; Điều 20; Điều 25; Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Sau khi bà T hốt hụi thì bà T không đóng lại tiền hụi chết đầy đủ cho bà L, do đó bà T đã

vi phạm thỏa thuận nên việc bà L yêu cầu bà T hoàn trả số tiền nợ hụi là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà T phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những phần tích nêu trên xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn bà Lâm Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lâm Thị T phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị L về việc buộc bị đơn bà Lâm Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền còn nợ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh